

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt:

1. Bổ sung điểm h vào khoản 1 Điều 8 như sau:

“h) Kinh doanh đường sắt đô thị”.

2. Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Kinh doanh đường sắt là kinh doanh có điều kiện. Loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt có điều kiện bao gồm:

a) Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;

b) Kinh doanh vận tải đường sắt;

c) Kinh doanh đường sắt đô thị.”

3. Bổ sung khoản 3 vào Điều 8 như sau:

“3. Điều kiện chung đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt:

- a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có chứng chỉ an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đường sắt”.

4. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Điều kiện kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt

Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Các điều kiện theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật:

a) Kết cấu hạ tầng đường sắt phải được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bảo đảm chạy tàu an toàn, đúng công lệnh tốc độ và công lệnh tải trọng theo quy định;

b) Các phương tiện chuyên dùng đường sắt phục vụ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp đi thuê phải có đủ giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

3. Điều kiện về nhân lực:

a) Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách công tác an toàn, có trình độ đại học về chuyên ngành xây dựng công trình đường sắt và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm trực tiếp về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt;

b) Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải bảo đảm tiêu chuẩn và phải được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định của pháp luật;

c) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt phải có trình độ đại học và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm về khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Điều kiện về tổ chức quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng và bảo đảm an toàn:

a) Công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng phù hợp với kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc doanh nghiệp;

b) Có phương án bố trí nhân lực thực hiện công tác tuần đường, tuần cầu, tuần hầm, gác cầu chung, gác hầm, gác đường ngang và bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và đặc điểm của kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý của doanh nghiệp;

c) Có phương án tổ chức, quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

d) Có quy trình quản lý hồ sơ kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc doanh nghiệp;

đ) Có phương án ứng phó sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và phương án tổ chức thực hiện cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra tai nạn, sự cố trên kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý của doanh nghiệp.”

5. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Điều kiện kinh doanh vận tải đường sắt

1. Các điều kiện theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, bảo đảm an toàn:

a) Phương tiện giao thông đường sắt thuộc quản lý của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp đi thuê phải bảo đảm các điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật;

b) Có phương án sản xuất kinh doanh do doanh nghiệp ban hành phù hợp với biểu đồ chạy tàu đã công bố.

c) Có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án ứng phó sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố.

3. Điều kiện về nhân lực:

a) Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách công tác an toàn có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt.

b) Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải bảo đảm tiêu chuẩn và phải được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định của pháp luật.

c) Có phương án sắp xếp bố trí nhân lực phục vụ trên tàu khách, tàu hàng phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

d) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải phải có trình độ đại học và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm về khai thác vận tải đường sắt.

4. Các điều kiện khác:

a) Có hợp đồng cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt với đơn vị cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

b) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm bằng đường sắt phải có hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.”

6. Bổ sung Điều 10a như sau:

“Điều 10a. Điều kiện kinh doanh đường sắt đô thị

1. Các điều kiện theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, bảo đảm an toàn:

a) Kết cấu hạ tầng đường sắt phải được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bảo đảm chạy tàu an toàn, đúng công lệnh tốc độ và công lệnh tải trọng theo quy định;

b) Phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện chuyên dùng đường sắt phục vụ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc quản lý của doanh nghiệp, phải bảo đảm các điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật;

c) Có phương án tổ chức chạy tàu bảo đảm chạy tàu an toàn, đều đặn, đúng giờ theo biểu đồ chạy tàu đã được công bố;

d) Có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án ứng phó sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố.

3. Điều kiện về nhân lực:

a) Có ít nhất 01 (một) cán bộ phụ trách công tác an toàn, có trình độ đại học về chuyên ngành xây dựng công trình đường sắt và 01 (một) chuyên ngành vận tải đường sắt, có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm trực tiếp về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt, khai thác vận tải đường sắt;

b) Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải bảo đảm tiêu chuẩn và phải được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định của pháp luật;

c) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt phải có trình độ đại học và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm về khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt;

d) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải đường sắt phải có trình độ đại học và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm về khai thác vận tải đường sắt;

đ) Có phương án sắp xếp bố trí nhân lực phục vụ hành khách phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Các điều kiện khác:

a) Trong trường hợp tàu của doanh nghiệp này chạy trên kết cấu hạ tầng đường sắt của doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp có tàu chạy phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt với tổ chức được giao nhiệm vụ điều hành giao thông đường sắt của tuyến đường sắt đó;

b) Phải có hợp đồng bảo hiểm hành khách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

5. Riêng đối với các tuyến đường sắt đô thị lần đầu tiên đưa vào khai thác trong thời gian đầu chưa bố trí được người có điều kiện như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 và điểm d khoản 3 Điều 10 thì ngoài các điều kiện quy định tại các Khoản 1 Điều này thì phải có các điều kiện sau:

a) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt phải có trình độ đại học trở lên về kết cấu hạ tầng đường sắt, có bằng (hoặc chứng chỉ) đào tạo chuyên giao công nghệ về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt của tuyến đường sắt đô thị được giao quản lý;

b) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải đường sắt phải có trình độ đại học trở lên về khai thác vận tải đường sắt (hoặc kinh tế vận tải đường sắt), có bằng (hoặc chứng chỉ) đào tạo chuyên giao công nghệ về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải của tuyến đường sắt đô thị được giao quản lý;

c) Doanh nghiệp phải có đầy đủ các biện pháp đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành, khai thác”.

7. Bổ sung chương IIIa như sau:

“Chương IIIa. CHỨNG CHỈ AN TOÀN”

Điều 19a. Chứng chỉ an toàn, điều kiện được cấp chứng chỉ an toàn

1. Chứng chỉ an toàn:

a) Chứng chỉ an toàn là giấy chứng nhận do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp kinh doanh đường sắt có đủ các điều kiện an toàn theo quy định để được tham gia kinh doanh đường sắt.

b) Mẫu chứng chỉ an toàn theo quy định tại Phụ lục I của Nghị định này.

c) Chứng chỉ an toàn có thời hạn là 10 năm. Trước khi chứng chỉ an toàn hết hạn 01 tháng, doanh nghiệp có trách nhiệm làm hồ sơ gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp, đổi theo quy định;

d) Cục Đường sắt Việt Nam là cơ quan quản lý và cấp chứng chỉ an toàn cho các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt được cấp chứng chỉ an toàn khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Đường sắt.

Điều 19b. Thủ tục cấp Chứng chỉ an toàn

1. Doanh nghiệp thuộc đối tượng cấp Chứng chỉ an toàn gửi hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ an toàn đến Cục Đường sắt Việt Nam theo đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

2. Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường sắt Việt Nam thông báo, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

3. Căn cứ vào các điều kiện cấp Chứng chỉ an toàn, Cục Đường sắt Việt Nam cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19c. Hồ sơ cấp Chứng chỉ an toàn

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Thành phần hồ sơ, tài liệu chứng minh các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ an toàn theo mẫu quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục II của Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn kèm hồ sơ chứng minh các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định tại Mẫu số 2, Mẫu số 3, Mẫu số 4, Mẫu số 5 Phụ lục II của Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp;

c) Tài liệu chứng minh về phương tiện giao thông đường sắt theo quy định tại Mẫu số 6 Phụ lục II của Nghị định này;

d) Tài liệu chứng minh về nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định tại Mẫu số 7 Phụ lục II của Nghị định này;

đ) Tài liệu chứng minh về cán bộ phụ trách công tác an toàn: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Bằng tốt nghiệp đại học;

e) Tài liệu chứng minh về kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố: Kế hoạch năm về

bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố do doanh nghiệp ban hành.

Điều 19d. Thu hồi tạm thời Chứng chỉ an toàn

1. Doanh nghiệp bị thu hồi tạm thời Chứng chỉ an toàn trong các trường hợp sau đây:

a) Để xảy ra tai nạn do nguyên nhân chủ quan từ mức nghiêm trọng trở lên mà doanh nghiệp không có biện pháp khắc phục kịp thời;

b) Khi kiểm tra phát hiện có một trong các điều kiện để được cấp Chứng chỉ an toàn của doanh nghiệp không bảo đảm đúng quy định.

2. Khi doanh nghiệp bị thu hồi tạm thời Chứng chỉ an toàn, doanh nghiệp vẫn được tham gia kinh doanh đường sắt, nhưng phải có trách nhiệm kịp thời khắc phục hậu quả tai nạn, khắc phục các nguyên nhân để xảy ra tai nạn, kịp thời bổ sung các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn chưa bảo đảm theo loại hình của doanh nghiệp quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 10a Nghị định này.

3. Trong thời gian bị thu hồi tạm thời Chứng chỉ an toàn, hoạt động kinh doanh đường sắt của doanh nghiệp chịu sự giám sát của Cục Đường sắt Việt Nam.

Điều 19đ. Thu hồi Chứng chỉ an toàn

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Chứng chỉ an toàn trong các trường hợp sau đây:

a) Khi bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đường sắt;

b) Khi bị cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh đường sắt của doanh nghiệp;

c) Chứng chỉ an toàn bị tẩy xóa, giả mạo.

2. Trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ an toàn, doanh nghiệp sẽ bị ngừng ngay hoạt động kinh doanh đường sắt.

Điều 19e. Các trường hợp cấp lại Chứng chỉ an toàn

Doanh nghiệp được cấp lại Chứng chỉ an toàn trong các trường hợp sau đây:

1. Doanh nghiệp chứng minh đã khắc phục nguyên nhân tai nạn và bổ sung đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn tiếp theo.

2. Khi doanh nghiệp đã có đủ điều kiện theo loại hình doanh nghiệp quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 10a Nghị định này.

3. Khi được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đường sắt hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép khôi phục lại hoạt động kinh doanh đường sắt.

4. Chứng chỉ an toàn bị mất, hư hỏng.

5. Chứng chỉ an toàn hết hạn sử dụng.

Điều 19g. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ an toàn

1. Doanh nghiệp có nhu cầu cấp lại Chứng chỉ an toàn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ an toàn đến Cục Đường sắt Việt Nam theo đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

2. Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường sắt Việt Nam thông báo, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

3. Căn cứ các điều kiện cấp lại Chứng chỉ an toàn, Cục Đường sắt Việt Nam cấp lại Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. Trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19h. Hồ sơ cấp lại Chứng chỉ an toàn

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ an toàn theo mẫu quy định tại Mẫu số 8 Phụ lục II của Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh các điều kiện để cấp lại Chứng chỉ an toàn kèm theo hồ sơ chứng minh các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 19c của Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đường sắt hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép khôi phục lại hoạt động kinh doanh đường sắt (đối với trường hợp được cấp lại theo quy định tại khoản 3 Điều 19e của Nghị định này);

d) Đối với trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ an toàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19d của Nghị định này, phải gửi kèm theo các tài liệu chứng minh đã có biện pháp đảm bảo an toàn bổ sung.

Điều 19i. Lệ phí

Doanh nghiệp được cấp mới, cấp lại, cấp đổi Chứng chỉ an toàn phải nộp lệ phí cho cơ quan cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định của pháp luật.

Điều 19k. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh đường sắt

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của Báo cáo các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 19c, khoản 2 Điều 19h của Nghị định này.

2. Quản lý Chứng chỉ an toàn và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Duy trì, bảo đảm các điều kiện về an toàn trong quá trình kinh doanh đường sắt như trong báo cáo thuyết minh các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định của Nghị định này.

Điều 19l. Trách nhiệm của Cục Đường sắt Việt Nam

1. Thông báo cho các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải có Chứng chỉ an toàn, hướng dẫn việc thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi Chứng chỉ an toàn.

2. Tổ chức thẩm tra báo cáo các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn, hồ sơ chứng minh các điều kiện an toàn của doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục cấp mới, cấp lại, cấp đổi Chứng chỉ an toàn và cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan hàng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo thuyết minh các điều kiện để cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định tại Nghị định này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Thu hồi Chứng chỉ an toàn theo quy định.

5. Tổng hợp các vấn đề phát sinh, báo cáo Bộ Giao thông vận tải giải quyết.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Chứng chỉ an toàn.”

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt như sau:

Bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 13.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Nghị định này bãi bỏ Thông tư số 30/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (3b). M

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc